

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày: 19-01-2021

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự  
Vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Đỗ Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLPT- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 791/2020/QĐ-PT ngày 09/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1087/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Chế Roi V, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992. Địa chỉ liên lạc: số 11A, đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6802, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng T chứng thực ngày 17/8/2020), có mặt.

*Bị đơn:* Ông Hà Nguyên Y, sinh năm: 1956, bà Hoàng Thị Phương L, sinh năm: 1979; cùng cư trú tại tiểu khu 168, tổ 1, thôn Pi, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

**- Người kháng cáo:** Ông Hà Nguyên Y, bà Hoàng Thị Phương L - Bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2020 của Bà Chế Rơi V, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Anh Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của bà V, thì: Bà Chế Rơi V và ông Y, bà L là bạn cùng xã, ngày 09/10/2019 bà cho bà L, ông Y vay hai lần, lần thứ nhất cho vay 800.000.000đ, lần thứ hai cho vay 900.000.000đ, tổng cộng là 1.700.000.000đ, thời gian vay 10 ngày, không lãi suất, không thế chấp; khi vay hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền” bà L và ông Y có ký nhận vào hợp đồng này. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L, ông Y không trả nợ theo thỏa thuận, dù bà V đã đòi nhiều lần. Do đó nay bà V có đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông Y trả số tiền gốc là 1.700.000.000đ, tiền lãi tính theo lãi suất là 10%/năm từ ngày 20/11/2019 đến ngày 24/8/2020, tính tròn 10 tháng là  $1.700.000.000đ \times 10\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 141.100.000đ$ .

- Theo lời trình bày của bà Hoàng Thị Phương L thì: Bà V cho rằng ông, bà ký hai giấy vay tiền ngày 09/10/2019 là không đúng, vì ngày 09/10/2019 bà L vay của bà V 800.000.000đ nhưng vì công việc bà bị thiếu 100.000.000đ nên gặp bà V để vay thêm 100.000.000đ, tổng cộng là 900.000.000đ, bà V yêu cầu bà ký giấy vay 900.000.000đ và bà V tự hủy giấy vay 800.000.000đ nhưng sau đó bà V không hủy. Như vậy tổng hai lần vay ngày 09/10/2019 là 900.000.000đ là đúng sự thật, còn giấy vay tiền 800.000.000đ là đã bị hủy sau khi vay thêm 100.000.000đ. Sau khi vay được ba ngày bà đã trả cho bà V 900.000.000đ và tiền lãi 13.500.000đ (lãi 5%/ngày). Do vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Y cho rằng việc vay tiền giữa bà V và bà L cụ thể thế nào ông không biết, còn chữ ký trong hợp đồng vay tiền là do trước đó bà V yêu cầu nên ông đã ký sẵn cho bà V.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 21/2020/DS-ST ngày 24/8/2020; Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Chế Rơi V về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản” đối với vợ chồng bà Hoàng Thị Phương L, ông Hà Nguyên Y.

Buộc bà Hoàng Thị Phương L, ông Hà Nguyên Y có trách nhiệm trả cho Bà Chế Rơi V số tiền 1.766.300.000đ (trong đó nợ gốc là 1.700.000.000đ và 66.300.000đ tiền lãi).

2/ Không chấp nhận yêu cầu của Bà Chế Rơi V đối với bà Hoàng Thị Phương L, ông Hà Nguyên Y đối với số tiền lãi là 74.800.000đ, bà Hoàng Thị Phương L, ông Hà Nguyên Y không phải trả cho Bà Chế Rơi V 74.800.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của đương sự.

Ngày 26/8/2020 bà Hoàng Thị Phương L và ông Hà Nguyên Y kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa,*

Bà L, ông Y vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Anh Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Phương L, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hà Nguyên Y, sửa bản Bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí cho ông Hà Nguyên Y.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc giữa bà V và bà L, ông Y có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên không thống nhất số tiền vay cũng như bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà L, ông Y thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ thể hiện thì giữa bà V và bà L, ông Y xác lập việc vay tiền với nhau; bà V xuất trình hai hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2019 (BL 13, 14) với tổng số tiền mà bị đơn vay là 1.700.000.000đ; theo đó ông Y, bà L vay của bà V một lần là 800.000.000đ, một lần là 900.000.000đ, được thể hiện trên hai tờ giấy riêng biệt, không có nội dung tẩy xóa, hay ghi nội dung hủy bỏ giấy nợ nào, phía dưới có chữ ký của ông Y, bà L, bị đơn cũng thừa nhận chữ ký trong hai hợp đồng vay tiền này là của ông, bà. Bà L cho rằng trong thực tế bà chỉ vay tổng cộng 900.000.000đ vì ban đầu chỉ vay 800.000.000đ sau đó vay thêm 100.000.000đ nên nhập lại và đã trả cả gốc lẫn lãi nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà V lại không thừa nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà L trình bày tại địa phương bà cũng có vay nhiều người và làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, như vậy trong thực tế bà L cũng có sự hiểu biết trong giao dịch vay tiền; có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trong trường hợp nếu nhập số tiền 100.000.000đ vay sau này vào số tiền đã vay trước đó thì bà L phải yêu cầu bên cho vay phải trả lại giấy vay tiền 800.000.000đ hoặc phải ghi chú vào trong giấy vay 900.000.000đ là có 800.000.000đ đã vay lần

trước nhưng lại không thực hiện nên việc trình bày của bị đơn là không có căn cứ xem xét.

[2.2] Đối với việc ông Y cho rằng ông chỉ ký khống vào hai Hợp đồng vay tiền nói trên nhưng cũng không xuất trình được căn cứ chứng minh, mặt khác tại thời điểm này quan hệ giữa ông Y và bà L là vợ chồng nên phải chịu trách nhiệm cùng trả nợ với bà L là phù hợp.

[2.3] Tại giai đoạn phúc thẩm ông Y và bà L xuất trình Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 418/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ chứng minh hiện nay hai người đã ly hôn; do vậy cần tuyên buộc ông Y và bà L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà V.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Tuy hợp đồng vay tiền ghi ngày 09/10/2019 không thể hiện việc các bên thỏa thuận lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; phía bà V và bà L, ông Y đều thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, trong đó bà V trình bày lãi suất là 10%/năm, còn bà L, ông Y trình bày lãi suất là 5%/ngày; như vậy giữa các bên có tranh chấp lãi suất nên phải căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất mà bị đơn phải chịu mới phù hợp. Cấp sơ thẩm tính lãi suất với mức lãi suất gửi tiền tiết kiệm không kỳ hạn là 4,75%/năm, tính thành tiền là 66.300.000đ là không chính xác, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo nên không đề cập.

[4] Với những phân tích nói trên; việc kháng cáo của bị đơn đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà L, ông Y phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 64.989.000đ (1.766.300.000đ; 36.000.000đ = 966.300.000đ x 3%). Tuy nhiên ông Hà Nguyên Y, sinh năm 1956; tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009. Tại giai đoạn xét xử theo thủ tục phúc thẩm, ông Hà Nguyên Y có đơn xin miễn án phí nên cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Y. Bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Buộc Bà Chế Rơi V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 3.740.000đ (74.800.000đ x 5%).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 2, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Nguyên Y, bà Hoàng Thị Phương L sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Chế Rơi V về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản” đối với ông Hà Nguyên Y, bà Hoàng Thị Phương L.

Buộc ông Hà Nguyên Y, bà Hoàng Thị Phương L có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Chế Rơi V số tiền 1.766.300.000đ (một tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng), {trong đó tiền gốc là 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), tiền lãi là 66.300.000đ (sáu mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng)}, phần ông Y là 883.150.000đ (tám trăm tám mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), phần bà L là 883.150.000đ (tám trăm tám mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Chế Rơi V phải chịu 3.740.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 31.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017157 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà V được nhận lại 27.760.000đ án phí còn thừa.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Hà Nguyên Y.

Bà Hoàng Thị Phương L phải chịu 38.494.500đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị Phương L phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003064 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Hà Nguyên Y.

### 3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**